

Bản án số: 78/2021/HS-PT

Ngày: 17/9/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Yên.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Sơn và ông Vũ Thanh Tuấn

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Vững - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15/9/2021 và ngày 17/9/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 70/2021/TLPT-HS ngày 21 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo Phạm Thị O X và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2021/HSST ngày 27/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hải Dương.

Bị cáo kháng cáo:

1. Phạm Thị O X, sinh năm 1989 tại Hải Dương; ĐKKHKT và nơi cư trú: Khu 3, phường B, thành phố D, tỉnh Hải Dương; Giới tính: Nữ; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Phạm Văn H, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1958; Chồng là Nguyễn Thanh T, sinh năm 1983; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không; Hiện bị cáo tại ngoại, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

2. Đinh Thọ L, sinh năm 1983 tại Hải Dương. ĐKKHKT: Thôn A, xã T, huyện S, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện S, tỉnh Hải Dương; Giới tính: Nam; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Đinh Thọ Q, sinh năm 1956 và bà Đinh Thị T, sinh năm 1958; Vợ: Nguyễn Thị Th, sinh năm 1983; Bị cáo có 03 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 14/02/2020 đến ngày 24/5/2020; Hiện bị cáo tại ngoại, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án).

3. **Nguyễn Quang T**, sinh năm 1980 tại Hải Dương; ĐKHKT: tổ 36b, Khu 10, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; Chỗ ở hiện nay: Khu L, phường G, thành phố D, tỉnh Hải Dương; Giới tính: Nam; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Hữu M (đã chết) và bà Vũ Thị X, sinh năm 1955; Vợ: Từ Thị H, sinh năm 1989; Bị cáo có 01 con sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 14/02/2020 đến ngày 13/5/2020; Hiện bị cáo tại ngoại, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

Bị cáo không kháng cáo:

1. **Nguyễn Đình C**, sinh năm 1989 tại Bắc Ninh. Nơi ĐKHKT và cư trú: thôn P1, xã P2, huyện L, tỉnh Bắc Ninh; Giới tính: Nam; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Đình T và bà Nguyễn Thị Th; Vợ: Nguyễn Thị Thu K, sinh năm 1988; Bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 14/02/2020 đến ngày 23/6/2020; Hiện đang chấp hành án tại trại giam Hoàng Tiến thuộc Bộ công an; Có mặt

2. **Nguyễn Hữu H**, sinh năm 1993 tại Hải Dương; Nơi ĐKHKT và cư trú: Thôn A1 (nay là thôn A1 G), xã C, huyện S, tỉnh Hải Dương; Giới tính: Nam; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Hữu Tr và bà Bùi Thu V ; Vợ: Nguyễn Thị Hồng B, sinh năm 1987; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 14/02/2020 đến ngày 22/5/2020; Hiện đang chấp hành án tại trại giam Hoàng Tiến thuộc Bộ công an; Có mặt.

*** Bị hại:** Công ty TNHH W Hải Dương.

Trụ sở: Khu công nghiệp L1, thị trấn L1, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Đại diện theo pháp luật: Ông Deng Zhang Long, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1989.

Địa chỉ: khu Th, xã T1, huyện B, tỉnh Hải Dương (Có mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Đoàn Thị M, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: khu dân cư L, phường G, thành phố D, tỉnh Hải Dương.

2. Công ty TNHH P.

Trụ sở: thôn Y, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện theo pháp luật: ông Đoàn Bá H, chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: thôn Y, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên

(Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt).

*** Người làm chứng:**

1. Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1990.

Địa chỉ: thôn V, xã B, huyện N, tỉnh Hà Nam.

2. Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1984.

Địa chỉ: thôn V, xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương.

3. Chị Nguyễn Thị Hồng B, sinh năm 1986.

Địa chỉ: thôn A1 (nay là thôn A1 G), xã C, huyện S, tỉnh Hải Dương.

4. Chị Từ Thị H, sinh năm 1989.

Địa chỉ tổ 36b, khu 10, phường Q, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh

(Có mặt chị Tính, những người làm chứng khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH một thành viên W Hải Dương (gọi tắt là công ty W) trụ sở: Khu công nghiệp L1, thị trấn L1, huyện C, tỉnh Hải Dương ký hợp đồng mua ngô hạt của công ty CJ INTERNATIONAL ASIA PTE LTD, trụ sở tại Singapore để làm nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi. Công ty W ký hợp đồng vận chuyển hàng hóa với công ty TNHH P M&Y (gọi tắt là công ty P). Theo đó bên vận chuyển phải chịu trách nhiệm về hàng hóa trong quá trình vận chuyển. Do không đủ xe để vận chuyển nên công ty P thường thuê xe ô tô biển số 89C-154.16, rơ moóc 89R-009.06 của Nguyễn Quang T để vận chuyển hàng.

Quá trình điều tra xác định được như sau: Phạm Thị O X là thủ kho nguyên liệu của công ty W. Nhiệm vụ của X là quản lý việc xuất, nhập nguyên liệu của kho đồng thời nhập dữ liệu kho vào hệ thống quản lý chung của công ty. X đã nảy sinh ý định cấu kết với bảo vệ và lái xe nhập không trọng lượng hàng trên phiếu cân, chiếm đoạt hàng trên xe. Đầu tháng 7/2019, X gọi điện thoại cho Đinh Thọ L (trước đây là lái xe thường xuyên chở hàng cho công ty W) bàn bạc với L về việc kết nối với lái xe chở hàng vào công ty và chiếm đoạt hàng trên xe mang bán lấy tiền chia nhau. L đồng ý, gọi điện thoại cho Nguyễn Hữu H (là lái xe thuê cho T), bảo H nếu chở hàng vào công ty W thì L sẽ hướng dẫn H để H cùng với X và L chiếm đoạt hàng trên xe mang ra ngoài bán. Nếu trót lọt, L sẽ chia cho H 30.000.000 đồng. H đồng ý và bàn bạc với T, bảo T sắp xếp để H lái xe chở hàng vào công ty W, T đồng ý.

Ngày 24/7/2019, X được phòng nguyên liệu của công ty W thông báo về việc ngày 25/7/2019 công ty sẽ nhập kho nguyên liệu hàng ngô (hàng ròi) từ cảng Cái Lân về công ty. X gọi điện thoại báo cho L, L gọi điện thoại báo cho H, H gọi điện thoại báo cho T. Sau khi nhận được thông tin, T gọi điện thoại cho anh Nguyễn Văn

Q là nhân viên của công ty P được giao sắp xếp xe tại cảng Cái Lân. T nhờ anh Q sắp xếp để xe của T (xe ô tô biển số 89C-154.16, rơ moóc 89R -009.06) chở hàng về công ty W, anh Q đồng ý.

Sáng ngày 25/7/2019, H điều khiển xe ô tô biển số 89C-154.16, rơ moóc 89R-009.06 đến cảng Cái Lân làm thủ tục nhận 32,56 tấn ngô (số lượng công ty W xác nhận sau khi trừ đi hao hụt thực tế) để vận chuyển về công ty W. Sau khi nhận hàng, H gọi điện thoại báo cho L, L hướng dẫn H (X bảo L hướng dẫn) dừng xe ở ngoài công ty rồi đi bộ vào công ty làm thủ tục trả hàng. Sau đó ra xe ngồi chờ, nếu X nhập không được thì L sẽ gọi điện thoại để H mang hàng đi bán, nếu không được thì X sẽ gọi điện thoại cho H lái xe vào công ty trả hàng bình thường. Theo hướng dẫn của L, chiều cùng ngày H đi bộ vào phòng bảo vệ công ty W đăng ký cân trả hàng và vào phòng nguyên liệu nhận đơn thông báo nghiệm thu nguyên liệu để tại phòng bảo vệ rồi ra xe chờ.

Khoảng 16 giờ cùng ngày, X đi ra phòng bảo vệ của công ty gặp Nguyễn Đình C (bảo vệ của công ty W). Tại đây, X trao đổi với C không cân trọng tải của xe ô tô 89C-154.16 như bình thường mà chỉ ghi vào sổ cân trọng lượng hàng trên xe, nhập không 01 xe hàng ngô với biển số xe ô tô khác, làm phiếu cân đưa cho X nhập vào máy tính của kho thì X sẽ chia cho C 30.000.000đồng. C đồng ý, nhập thông tin cân trọng lượng hàng (32,56 tấn Ngô) của xe ô tô biển số 15C-157.86 (biển số do C nghĩ ra) vào máy tính tại phòng bảo vệ để in phiếu cân không. C tự ký tên C vào phần người cân hàng và ký tên H vào phần lái xe trên phiếu cân không rồi gạch dòng chữ xe ô tô 89C-154.16 trong sổ cân hàng, viết chèn vào sổ dòng chữ 15C-157.86 để tránh bị phát hiện.

Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, X đi ra cổng bảo vệ gặp C lấy phiếu cân, dùng điện thoại di động chụp phiếu cân rồi gửi qua mạng xã hội zalo hình ảnh phiếu cân cùng với tin nhắn “ok” cho L. L hiểu là X đã nhập không hàng trên xe thành công nên đã chuyển tiếp hình ảnh phiếu cân qua tin nhắn zalo cho H, H chuyển tiếp cho T. Sau đó, L gọi điện cho H bàn bạc về việc mang ngô trên xe đi bán. H cho L số điện thoại của chị Nguyễn Thị D. L gọi điện cho chị D, trao đổi về việc bán ngô rồi bảo H lái xe chở ngô đến ngã tư xã C, huyện K để chị D kiểm tra hàng. Sau khi kiểm tra, chị D đồng ý mua 32,56 tấn Ngô với số tiền là 172.600.000 đồng và bảo H chở Ngô đến kho của chị D tại thôn T, thị trấn L1, huyện C để xuống hàng. Tối cùng ngày chị D đã chuyển vào số tài khoản của L số tiền 172.600.000 đồng.

Sáng ngày 26/7/2019, L gọi qua mạng zalo hẹn gặp X tại cổng công ty ô tô Ford Hải Dương và đưa cho X số tiền 74.000.000 đồng. Tiếp đó L gọi qua mạng zalo hẹn gặp và đưa cho H số tiền 30.000.000 đồng tại đường đối diện công ty ô tô Ford Hải Dương. Còn L được hưởng 68.600.000 đồng. Sau khi nhận tiền, H giữ lại

10.000.000đồng, đưa cho T 20.000.000đồng, còn X chưa đưa tiền cho C như thoả thuận. Số tiền trên các bị cáo đã chi tiêu hết

Tháng 8/2019, công ty W kiểm kê kho nguyên liệu, phát hiện thiếu hụt nguyên liệu ngô nên tiến hành xác minh, yêu cầu công ty P bồi thường. Ngày 21/10/2019, công ty W có đơn trình báo Cơ quan CSĐT Công an huyện C, vụ việc được điều tra làm rõ.

Kết luận định giá tài sản số 31/KL-HĐĐG-TTHS ngày 12/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND huyện C, kết luận: Giá trị của 32,56 tấn ngô hạt (xuất xứ Nam Mỹ) là **146.864.000 đồng**.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C quản lý phiếu cân hàng, đơn thông báo nghiệm thu nguyên liệu, sổ cân trọng lượng, trích xuất phiếu nhập kho trong máy tính tại kho nguyên liệu ngày 25/7/2019 liên quan đến xe ô tô biển số 89C-154.16 và xe ô tô biển số 15C-157.86 (biển số không); quản lý 01 đĩa CD, lưu giữ hình ảnh trạm cân trọng lượng hàng của công ty W (tại cổng công ty) chiều ngày 25/7/2019; tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết trên phiếu cân hàng. Tại Kết luận giám định số 2526/C09-P5 ngày 04/6/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Chữ ký trên phiếu cân, chữ viết trên sổ cân đều do cùng một người viết ra là Nguyễn Đình C.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 24/2021/HS-ST ngày 27/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện C đã căn cứ: Điểm d khoản 2 Điều 353; Điều 17; Điều 54; Điều 58; Điều 38 BLHS và điểm n khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo X; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo L, T. Xử phạt X 07 năm 05 tháng tù; L 05 năm 06 tháng tù; C 05 năm 04 tháng tù, H 05 năm 06 tháng tù, T 05 năm tù đều về tội Tham ô tài sản. Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07 tháng 5 năm 2021, bị cáo T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm; Sau đó nộp đơn thay đổi nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 09 tháng 5 năm 2021, X kháng cáo toàn bộ nội dung của bản án sơ thẩm, bị cáo không phạm tội tham ô tài sản vì bị cáo không thực hiện hành vi tham ô, nên không chiếm đoạt tài sản. Việc khắc phục hậu quả các bị cáo khác đã hoàn trả toàn bộ cho bị hại, bị cáo không nhờ ai nộp hộ tiền khắc phục hậu quả. Trong các bị cáo, X chỉ quen biết C và chỉ gọi điện cho C là người cùng công ty. Bị cáo là thủ kho thành phẩm chỉ làm hộ thủ kho nguyên liệu nghỉ thai sản để tìm người thay vì vậy trong quá trình làm không tránh khỏi sai sót. Việc căn cứ vào lời khai của các bị cáo khác để buộc tội X là không hợp lý.

Ngày 10 tháng 5 năm 2021, L kháng cáo xem xét lại tội danh của bị cáo vì Tòa án xử bị cáo tội tham ô tài sản là không đúng mà là tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo X giữ nguyên nội dung kháng cáo bị cáo không phạm tội tham ô tài sản. Bị cáo là thủ kho nguyên liệu, bị cáo không cùng các bị cáo khác thực hiện hành vi nhập khổng hàng để chiếm đoạt tài sản mà do L và C liên hệ với nhau để thực hiện. Bị cáo có thiếu sót chỉ nhập số lượng hàng vào dữ liệu máy tính mà không kiểm soát hàng hóa thực tế nhập vào kho. Khi kiểm kê kho, X phát hiện thiếu hàng hóa tự bị cáo đã báo cáo công ty, nếu bị cáo chiếm đoạt hàng cùng các bị cáo khác thì X sẽ không báo việc thiếu hàng. Theo trích xuất Camera thời gian bị cáo ra phòng bảo vệ không phù hợp với hàng hóa nhập vào. Bị cáo không nhận tiền ăn chia và không bàn bạc, nộp tiền cùng các bị cáo khác để khắc phục hậu quả cho Công ty. Việc các bị cáo L, C, H khai bị cáo đề xuất, tham gia cùng các bị cáo khác là không đúng, nhưng bị cáo không xuất trình căn cứ nào chứng minh nội dung kháng cáo. Bị cáo cho rằng hành vi của mình chỉ là vi phạm hành chính. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tội của bị cáo đến đâu xử đến đó và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo L khai: Hành vi của L cùng các bị cáo khác đã thực hiện việc chiếm đoạt tài sản của Công ty W đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Bị cáo X khai không thực hiện hành vi và không đề xuất là không đúng. L xác định X là người khởi xướng và chỉ đạo L, C cách thức nhập hàng khổng, cân khổng để chiếm đoạt xe hàng vì X tự gọi điện cho L bàn bạc cách thức nhập khổng xe hàng và còn gửi qua zalo phiếu nhập hàng cho L. L đã chia cho X 74 triệu tại cổng Công ty Ford Hải Dương. Khi bị công ty phát hiện, X đã có mặt cùng L, T, H bàn bạc dồn tiền bồi thường cho Công ty W tại quán trà chanh ở huyện S, X nộp 20 triệu đồng. Bị cáo kháng cáo về tội danh là do chưa hiểu biết, nay bị cáo chỉ đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo C khai: Bản án sơ thẩm xét xử là đúng với hành vi phạm tội các bị cáo đã thực hiện, bị cáo không kháng cáo nhưng đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. X là thủ kho nguyên liệu của Công ty W. Chiều ngày 25/7/2019, bị cáo X là người đề xuất việc tham gia cùng X chiếm đoạt tài sản là mặt hàng ngô hạt của Công ty W. X ra phòng bảo vệ gặp và hướng dẫn C làm phiếu cân khổng số lượng cân của xe hàng trong khi thực tế khổng có xe hàng đi qua trạm cân, từ đó X nhập khổng dữ liệu hàng hóa trên máy tính trong kho nguyên liệu, nhằm chiếm đoạt số hàng hóa trên xe của công ty W. X hẹn sẽ cho C 30.000.000đ nhưng X chưa đưa cho C số tiền đó. Khi bị công ty phát hiện, X bảo với C là lo 70.000.000đồng để bồi thường, sau này X sẽ trả lại C sau. Do lo sợ nên bị cáo đã lo đủ số tiền trên để đưa cho L bồi thường cho Công ty. Việc X kháng cáo và cho rằng X không tham gia cùng các bị cáo chiếm đoạt xe ngô là đang chối bỏ trách nhiệm và đổ tội cho người khác.

Bị cáo H khai: Các bị cáo L, C khai về diễn biến quá trình thực hiện hành vi phạm tội chiếm đoạt xe hàng ngô của Công ty W, việc ăn chia, khắc phục hậu quả khi bị phát hiện là đúng thực tế. Bị cáo X là người đề xuất và đưa ra cách thức để lấy xe hàng ngô, nên kháng cáo của X là không đúng, nếu không có X thì các bị cáo không chiếm đoạt được. Bị cáo không kháng cáo nhưng đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo T khai: Cấp sơ thẩm xét xử là đúng hành vi bị cáo đã thực hiện, bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo không đề nghị hủy án, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Bị cáo chỉ được H báo sắp xếp hàng cho H lái xe chở hàng ngô cho công ty W để đánh hàng tức lấy hàng bán ra ngoài. T không biết cách thức lấy hàng và không trực tiếp tham gia cùng các bị cáo khác. T được H chia cho số tiền 20 triệu đồng. Bị cáo T là người trực tiếp nhận tiền của các bị cáo khác và bồi thường cho Công ty P. Bị cáo lần đầu phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo, xem xét cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương.

Đại diện của bị hại trình bày: Xác định từ tháng 6/2019 đến tháng 9/2019, X là thủ kho nguyên liệu của Công ty. Trong kho nguyên liệu chỉ có một mình X quản lý. Nếu không có sự chấp thuận của X thì C và lái xe không chiếm đoạt được cả xe hàng vào chiều ngày 25/7/2019. Việc X trình bày đã báo Công ty khi kiểm kê thấy thiếu hàng là không đúng. Các bị cáo đã bồi thường cho công ty, nên công ty không có yêu cầu gì khác về trách nhiệm dân sự. Đề nghị HĐXX cho các bị cáo C, L, T và H mức án thấp nhất có thể. Bị cáo X thực hiện hành vi phạm tội nhưng không ăn năn hối cải Đề nghị xét xử nghiêm đối với X.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh tham gia phiên tòa sau khi phân tích các tình tiết trong vụ án xác định cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Phạm Thị O X, Đinh Thọ L, Nguyễn Quang T, Nguyễn Đình C, Nguyễn Hữu H về tội tham ô tài sản theo điểm d khoản 2 Điều 353 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật. Cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Xét kháng cáo của các bị cáo: Do có ý định chiếm đoạt tài sản từ trước bị cáo X đã lợi dụng việc được giao trách nhiệm quản lý kho nguyên liệu đã cấu kết các bị cáo khác là L, C, H, T nhập không xe hàng ngô, chiếm đoạt hàng trên xe và mang đi bán. Giá trị tài sản chiếm đoạt là 146.484.000đ nên hành vi của X và đồng phạm đã đủ yếu tố cấu thành tội tham ô tài sản theo khoản 2 Điều 353 BLHS. Do vậy kháng cáo kêu oan của bị cáo X là không có căn cứ, mức hình phạt tại bản án sơ thẩm đã phù hợp nên y án sơ thẩm về hình phạt của X. Đối với L đồng phạm thực hành tích cực bố trí, sắp xếp nhập không hàng, nên giữ vai trò sau X. Tại cấp phúc thẩm có thêm tình tiết giảm nhẹ mới: phát hiện tội phạm, nộp xác nhận ủng hộ covid, nộp án phí sơ thẩm, nên chấp nhận kháng cáo giảm cho L một phần hình phạt, đề nghị xử L 05 năm 03 tháng tù. Đối với kháng cáo của T: Xét bị cáo T giữ vai trò đồng phạm giúp

sức, không đáng kể, mức độ hành vi ít nguy hiểm hơn các bị cáo khác. Tại cấp phúc thẩm có thêm tình tiết giảm nhẹ mới về ủng hộ covid, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ (5 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự), có nơi cư trú rõ ràng, nên chấp nhận kháng cáo của T, đề nghị xử bị cáo T 36 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Về án phí: Bị cáo X, L phải chịu 200.000đ án phí phúc thẩm, bị cáo T không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Kháng cáo của các bị cáo Phạm Thị O X, Đinh Thọ L, Nguyễn Quang T trong thời hạn luật định, là kháng cáo hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa, bị cáo T thay đổi nội dung kháng cáo nhưng không vượt quá phạm vi kháng cáo nên nội dung thay đổi kháng cáo phù hợp quy định pháp luật.

[2] Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo:

2.1. Đối với kháng cáo kêu oan của bị cáo X và kháng cáo xem xét lại tội danh của bị cáo L thấy rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm lời khai của bị cáo Đinh Thọ L, Nguyễn Hữu H, Nguyễn Đình C và Nguyễn Quang T phù hợp nội dung diễn biến hành vi, vai trò các bị cáo theo nội dung bản án sơ thẩm. Bị cáo Phạm Thị O X kháng cáo kêu oan cho rằng mình không phạm tội tham ô tài sản vì: X không phải là thủ kho nguyên liệu; X không biết việc ngày 25/7/2019 xe ô tô đầu kéo 89C-154.16, rơ moóc 89R-009.06 có chở hàng vào kho hay không vì X chỉ căn cứ vào dữ liệu từ phòng cân của bảo vệ chuyển đến và đơn thông báo nghiệm thu nguyên liệu để nhập dữ liệu vào máy tính tại kho nguyên liệu. X không kiểm soát việc thực tế đã có xe nhập hàng vào kho nguyên liệu hay chưa. X không liên lạc với L và C để bàn bạc cách thức chiếm đoạt toàn bộ xe hàng, không được chia tiền, không đưa tiền bồi thường cho ai. Đề nghị HĐXX xem xét trách nhiệm của bị cáo đến đâu thì xét xử bị cáo đến đó.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa thấy rằng: Bị cáo X trình bày bị cáo không phải thủ kho nguyên liệu vì tại hợp đồng lao động của bị cáo là thủ kho thành phẩm. Tuy nhiên, trên thực tế, kể từ tháng 6/2019, X được Công ty giao làm công việc thủ kho nguyên liệu của công ty W: Tại các bản kiểm kê nguyên liệu tại kho nguyên liệu trong tháng 6,7/2019, X đều ký dưới chức vụ “Thủ kho nguyên liệu”. Tại biên bản bàn giao công việc ngày 31/5/2019 giữa chị D và X thể hiện bị cáo đã tiếp nhận toàn bộ công việc thủ kho nguyên liệu và tài sản tại kho từ chị D, X có trách nhiệm quản lý, xuất nhập nguyên liệu tại kho và vào sổ sách. Ngày 25/7/2019 bị cáo đã nhập dữ liệu hàng hoá là xe hàng với biển số khác do C ghi trên phiếu cân vào máy

tính tại kho nguyên liệu. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xác nhận được giao là thủ kho nguyên liệu từ tháng 6/2019. Căn cứ vào kết quả tra cứu số điện thoại của C thể hiện trong ngày 25/7/2019, bị cáo đã nhiều lần liên lạc với C từ khi C chưa nhận ca trực (14 giờ ngày 25/7/2019), trong khi trước và sau ngày 25/7/2019, bị cáo X và C không có bất kỳ liên lạc với nhau. Bị cáo trình bày lý do về việc nhiều lần liên lạc với C bất thường vào chiều ngày 25/7/2019 do có mâu thuẫn là không có căn cứ. Thời gian trên đoạn video có lúc thể hiện giờ Trung Quốc lệch so với giờ Việt Nam vì camera trong Công ty W được kết nối với máy ở bên Trung Quốc nhưng thời gian 2 lần bị cáo đi ra phòng bảo vệ theo đoạn video ghi nhận là phù hợp với lời khai của bị cáo C và bị cáo L về nội dung X ra để làm phiếu cân giả nhằm nhập không số hàng của xe ô tô đầu kéo 89C-154.16, rơ moóc 89R-009.06, phù hợp với lời khai của C nội dung X chỉ đạo ghi biển số xe khác nhằm tránh sự phát hiện của Công ty khi kiểm tra thấy thiếu hàng.

Mặt khác, L, H đều xác định nội dung: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 25/7/2019, X chụp ảnh phiếu cân gửi cho L kèm chữ “OK”, sau đó L gửi zalo cho H, thể hiện rõ sự câu kết sắp xếp để có thể nhập không và đem xe hàng đi tiêu thụ của các bị cáo. Giữa các bị cáo không có mâu thuẫn gì, lời khai của các bị cáo C, L, H ngay từ ban đầu đã phù hợp với nhau về việc bị cáo X có bàn bạc đồng thời hướng dẫn các bị cáo cách thức chiếm đoạt xe hàng. L liên hệ trực tiếp để bán xe hàng, nhận tiền và phân chia cho các bị cáo khác, trong đó xác định L chia cho X tổng 74 triệu đồng tại công ty Ford, phù hợp với lời khai của C về việc X nhờ chuẩn lo cả số tiền. Sau khi hành vi bị phát hiện, chị H, chị B chứng kiến việc bị cáo X cùng các bị cáo T, L, H gặp nhau tại quán trà chanh thuộc địa phận huyện S để bàn bạc, góp tiền lại bồi thường cho công ty W.

Căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại phiên tòa và các tài liệu chứng cứ đã được thu thập hợp pháp theo trình tự tố tụng, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, phù hợp các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Phạm Thị O X, là thủ kho nguyên liệu, được giao quản lý nguyên liệu tại kho nguyên liệu của công ty TNHH một thành viên W Hải Dương. Lợi dụng việc được giao quản lý kho nguyên liệu, đầu tháng 7/2019, X nảy sinh ý định nhập không hàng vào kho nguyên liệu để chiếm đoạt tài sản của công ty W nên đã bàn bạc với Đinh Thọ L kết nối với lái xe để thực hiện. Vào khoảng 18 giờ ngày 25/7/2019, tại công ty TNHH một thành viên W Hải Dương, Phạm Thị O X đã cùng với Đinh Thọ L, Nguyễn Đình C (bảo vệ công ty), Nguyễn Hữu H (lái xe) và Nguyễn Quang T (quản lý xe) đã dùng thủ đoạn gian dối, lập chứng từ cân hàng không và nhập không dữ liệu hàng hóa vào kho nguyên liệu, chiếm đoạt 32,56 tấn ngô trên xe ô tô biển số 89C-154.16, rơ moóc 89R-009.06. Tổng giá trị tài sản các bị cáo đã chiếm đoạt là 146.864.000 đồng.

Xét thấy, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm vào sự hoạt động đúng đắn của tổ chức, đồng thời xâm phạm vào quyền sở hữu tài sản của công ty W. Các bị cáo là những người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi, các bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Bị cáo X là thủ kho nguyên liệu của công ty, nhiệm vụ của bị cáo là quản lý kho nguyên liệu, việc nhập và xuất hàng đều phải thông qua bị cáo. Bị cáo còn có nhiệm vụ nhập dữ liệu kho vào hệ thống quản lý của công ty, báo cáo việc nhập hàng với cấp trên. Bị cáo đã lợi dụng mình có trách nhiệm, quyền hạn quản lý việc nhập hàng vào kho nguyên liệu của mình để cấu kết cùng Nguyễn Đình C là bảo vệ công ty và Đinh Thọ L là người kết nối với lái xe Nguyễn Hữu H nhằm chiếm đoạt 32,56 tấn ngô bằng hình thức nhập không hàng vào dữ liệu kho trong khi thực tế hàng không được nhập vào kho để đem hàng đi bán lấy tiền chia nhau. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 146.864.000 đồng. Do vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Tham ô tài sản, theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự. Như vậy cấp sơ thẩm đã xét xử X và các bị cáo khác về tội danh và điều luật áp dụng là hoàn toàn chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Nên kháng cáo kêu oan của bị cáo X và kháng cáo xem xét lại tội danh của bị cáo L là không có căn cứ chấp nhận.

2.2. Về hình phạt của bị cáo X: Tại bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò đồng phạm của bị cáo trong vụ án, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, xem xét nhân thân bị cáo, thấy rằng: bị cáo Phạm Thị O X là người đề xuất, bàn bạc với L, C về cách thức chiếm đoạt tài sản như làm phiếu cân giả, nhập hàng không, vào dữ liệu kho nguyên liệu, nếu không có X các bị cáo không thể chiếm đoạt được cả xe hàng trên, X giữ vai trò đầu tron g vụ án. Bị cáo không thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do vậy mức án 07 năm 06 tháng tù đối với bị cáo X là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên giữ nguyên hình phạt của bị cáo X.

2.3. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo L thấy rằng: bị cáo L tiếp nhận ý chí của X thực hành tích cực, liên hệ với H sắp xếp để nhập không hàng, trực tiếp liên hệ bán hàng, nhận tiền bán hàng, chia cho các bị cáo khác, nên là đồng phạm thực hành tích cực, giữ vai trò thứ hai trong vụ án. Tại bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi, vai trò đồng phạm của bị cáo trong vụ án, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, xem xét nhân thân bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo xuất trình thêm xác nhận của Công an huyện S về việc bị cáo L giúp cơ quan Công an phát hiện tội phạm trong vụ trộm cắp tài sản, biên lai ủng hộ covid và đơn xin giảm nhẹ hình phạt của bị hại nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Tuy nhiên, tại bản án sơ thẩm, đã xem

xét áp dụng Điều 54 BLHS, xử L mức án 05 năm 06 tháng tù (dưới khung hình phạt liền kề) là đã chiều cố khoan hồng, nên không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ nguyên hình phạt của bị cáo L như tại bản án sơ thẩm.

2.4. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo T thấy rằng: Bị cáo T tiếp nhận ý chí khi được H trao đổi về việc chiếm đoạt tài sản của W, bị cáo T không tham gia bàn bạc, không trực tiếp tham gia thực hiện tội phạm nhưng đồng ý dùng xe do mình quản lý để cho H đi chở hàng, là đồng phạm với vai trò giúp sức. Tại bản án sơ thẩm đánh giá T giữ vai trò sau cùng trong vụ án là chính xác. Xét bị cáo thành khẩn khai báo, sau khi hành vi phạm tội của các bị cáo bị Công ty phát hiện, T đã tích cực đứng ra cùng các bị cáo khác bồi thường, khắc phục hậu quả theo yêu cầu của Công ty; bị hại tiếp tục có đơn đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Mẹ bị cáo T được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất; bị cáo tích cực tham gia ủng hộ phong trào phòng chống Covid tại địa phương. Do bị cáo T giữ vai trò đồng phạm giúp sức, thứ yếu, vai trò không đáng kể trong vụ án, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt nên cần áp dụng khoản 2 Điều 54 BLHS, Điều 5 Nghị quyết 03/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao ngày 30/12/2020 chấp nhận nhận kháng cáo của bị cáo T, giảm một phần hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách cũng đủ tác dụng giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung với xã hội.

[3]. Các vấn đề khác:

Đối với bị cáo C, H không có kháng cáo nhưng tại phiên tòa phúc thẩm có đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt: tại bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng mức độ hành vi phạm tội, xác định vai trò, áp dụng đầy đủ tình tiết giảm nhẹ và xét xử mức án là phù hợp, các bị cáo không có kháng cáo, nên cần giữ nguyên mức hình phạt của hai bị cáo như tại bản án sơ thẩm.

Tại bản án sơ thẩm xem xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp pháp luật. Về trách nhiệm dân sự giữa bị hại và bị cáo đã thoả thuận giải quyết xong nên không xem xét là phù hợp.

[4]. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Bị cáo X, L kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm. Bị cáo T kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thị O X, Đinh Thọ L; Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Quang T; Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 24/2021/HSST ngày 27/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện C về phần hình phạt của bị cáo Nguyễn Quang T.

2. Điều luật áp dụng, tội danh và hình phạt:

2.1. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 353; điểm n khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Thị O X.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 54; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đinh Thọ L.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 2 Điều 54; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự, Điều 5 Nghị quyết 03/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao ngày 30/12/2020 đối với bị cáo Nguyễn Quang T.

2.2. Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Thị O X; Đinh Thọ L; Nguyễn Quang T phạm tội Tham ô tài sản.

2.3.Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị O X 07 (bảy) năm 05 (năm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

2.4. Xử phạt: Bị cáo Đinh Thọ L 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, được trừ đi 03 tháng 11 ngày đã tạm giam . Bị cáo còn phải chấp hành 05 (năm) năm 02 (hai) tháng 19 (mười chín) ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

2.5. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Quang T 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (Ngày 17/9/2021).

Giao bị cáo Nguyễn Quang T cho Ủy ban nhân phường G, thành phố D, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Luật phí và lệ phí. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Buộc bị cáo Phạm Thị O X; Đinh Thọ L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng

án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Nguyễn Quang T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (Ngày 17/9/2021)./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện C
- CQCSĐT, CQTHAHS-CA huyện C;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu Tòa; Lưu HSVA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Vũ Thị Yên